

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số: 580 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v quan tâm báo giá vật tư cho "Sửa chữa
lớn hệ thống đá vôi lò hơi số 3, 4 năm 2027"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Chúng tôi hiện nay có nhu cầu Sửa chữa lớn hệ thống đá vôi lò hơi số 3, 4 - Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Qua công văn này, chúng tôi kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá vật tư phục vụ công việc Sửa chữa lớn hệ thống đá vôi lò hơi số 3, 4 năm 2027 với các thông số và yêu cầu kỹ thuật như phụ lục đính kèm.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, tổ 4, khu 4A, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. Trong trường hợp cần làm rõ thông tin, xin liên hệ Mr Long (0982.903.596).

- Thời gian nhận báo giá: Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-ĐT-VT, LTL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Hồng Hải

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Sửa chữa lớn hệ thống đá vôi lò hơi số 3, 4 năm 2027 – NMNĐ Cẩm Phả
(Đính kèm công văn số 580 /NĐCP-KHĐTVT ngày 12/03/2026)

I. Tên hàng hóa, số lượng, quy cách:

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
1	Vòng bi 6314 2Z/C3	6314 2Z/C3	SKF	Cái	1,00
2	Vòng bi NU314 EMA	NU314 EMA	SKF	Cái	1,00
3	Phốt 80x100x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	80x105x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
4	Dây curoa SPB 2360	SPB 2360	SKF	Cái	3,00
5	Can nhiệt loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	Trung quốc	Cái	1,00
6	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	1,00
7	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	1,00
8	Vòng bi 3212A	3212A	SKF	Cái	2,00
9	Vòng bi NJ 312 EMA	NJ 312 EMA	SKF	Cái	1,00
10	Vòng bi 6309 2Z/C3	6309 2Z/C3	SKF	Cái	1,00
11	Phốt 70x90x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	70x90x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
12	Xéc măng đường kính D=78mm, d=72mm, h=3,5mm	đường kính D=78mm, d=72mm, h=3,5mm	Việt Nam	Cái	16,00
13	Xéc măng đường kính D=89mm, d=82mm, h=3,5mm	đường kính D=89mm, d=82mm, h=3,5mm	Việt Nam	Cái	6,00
14	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	6,00
15	Tấm mút xốp phẳng loại cách âm chống cháy, dày 50mm	loại cách âm chống cháy, dày 50mm	Trung quốc	m2	10,00
16	Bản lề inox sus304 (chịu tải)	Bản lề inox sus304 (chịu tải)	Việt Nam	Bộ	8,00
17	Vòng bi 6314 2Z/C3	6314 2Z/C3	SKF	Cái	1,00
18	Vòng bi NU314 EMA	NU314 EMA	SKF	Cái	1,00
19	Phốt 80x100x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	80x105x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
20	Dây curoa SPB 2360	SPB 2360	SKF	Cái	3,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
21	Can nhiệt loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	Trung quốc	Cái	1,00
22	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	1,00
23	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	1,00
24	Mã hiệu quạt GM 50 L - Lưu lượng đầu vào 55,15 m ³ /min - Áp lực đầu ra 64,8 kPa - Kích thước dọc LxWxH (mm): 912x570x400 - Chiều cao trục dọc (mm): 200 - Kích thước kết nối (DN) - Đầu vào: 200 - Kích thước kết nối (DN) - hống xả: 200 - Loại kết nối: Flange - Trọng lượng (kg): 360 - Đường kính trục (mm): 55 - Áp suất tối đa (mbarg): >= 700 - Chân không tối đa (mbara): 500 - Lưu lượng tối đa m ³ /h: >= 3330 - Tốc độ quay tối đa RPM: >= 3670 - Loại Rotor: Tri - Lobe	Mã hiệu quạt GM 50 L - Lưu lượng đầu vào 55,15 m ³ /min - Áp lực đầu ra 64,8 kPa - Kích thước dọc LxWxH (mm): 912x570x400 - Chiều cao trục dọc (mm): 200 - Kích thước kết nối (DN) - Đầu vào: 200 - Kích thước kết nối (DN) - hống xả: 200 - Loại kết nối: Flange - Trọng lượng (kg): 360 - Đường kính trục (mm): 55 - Áp suất tối đa (mbarg): >= 700 - Chân không tối đa (mbara): 500 - Lưu lượng tối đa m ³ /h: >= 3330 - Tốc độ quay tối đa RPM: >= 3670 - Loại Rotor: Tri - Lobe	AERZEN (Aerzener Maschinenfabrik GmbH) / Germany	Cái	1,00
25	Tấm mút xốp phẳng loại cách âm chống cháy, dày 50mm	loại cách âm chống cháy, dày 50mm	Trung quốc	m ²	10,00
26	Bản lề inox sus304 (chịu tải)	Bản lề inox sus304 (chịu tải)	Việt Nam	Bộ	8,00
27	Vòng bi 6314 2Z/C3	6314 2Z/C3	SKF	Cái	1,00
28	Vòng bi NU314 EMA	NU314 EMA	SKF	Cái	1,00
29	Phốt 80x100x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	80x100x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
30	Dây curoa SPB 2650	SPB 2650	SKF	Cái	5,00
31	Can nhiệt loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	loại TLR đường kính phi 6x100, dài 30, ren M8	Trung quốc	Cái	1,00
32	Phốt 85x105x12	85x105x12	Việt Nam	Cái	2,00
33	Sơn phủ màu xanh nước	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	1,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
	biên				
34	Vòng bi 3212A	3212A	SKF	Cái	2,00
35	Vòng bi NJ 312 EMA	NJ 312 EMA	SKF	Cái	1,00
36	Vòng bi 6309 2Z/C3	6309 2Z/C3	SKF	Cái	1,00
37	Phốt 70x90x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	70x90x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
38	Xéc măng đường kính D=78mm, d=72mm, h=3,5mm	đường kính D=78mm, d=72mm, h=3,5mm	Việt Nam	Cái	16,00
39	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	6,00
40	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	6,00
41	Tấm mút xốp phẳng loại cách âm chống cháy, dày 50mm	loại cách âm chống cháy, dày 50mm	Trung quốc	m2	10,00
42	Vòng bi Nu317 EMA	Nu317 EMA	SKF	Cái	8,00
43	Vòng bi 6208 2Z/C3	6208 2Z/C3	SKF	Cái	2,00
44	Phốt 40x62x7. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	40x62x7. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
46	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	0,50
47	Đầu nén máy thổi khí kiểu rẽ 3 thùy BK50003; lưu lượng 3,19m3/ph; tốc độ 1350v/ph; áp lực 30kpa; Họng hút 65mm	BK50003; lưu lượng 3,19m3/ph; tốc độ 1350v/ph; áp lực 30kpa;	Robuschi S.r.l. (Italy)	Cụm	1,00
48	Tấm mút xốp lọc khí S=15mm	lọc khí S=15mm	Việt Nam	m2	0,50
49	Van an toàn dầu đầy quạt: mã hiệu A27H-10C, Ptk=0,18Mpa; DN25	đầu đầy quạt: mã hiệu A27H-10C, Ptk=0,18Mpa; DN25	Trung quốc	Cái	1,00
50	Vòng bi 6208 2Z/C3	6208 2Z/C3	SKF	Cái	2,00
51	Phốt 40x62x7. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	40x62x7. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
52	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	0,50
53	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	0,50
54	Vòng bi 3207 ATN9	3207 ATN9	SKF	Cái	2,00
55	Vòng bi NJ207	NJ207	SKF	Cái	2,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
56	Phốt 40x62x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	40x62x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
57	Phốt 72x33x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	72x33x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
58	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	0,50
59	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	0,50
60	Tấm mút xốp lọc khí S=15mm	lọc khí S=15mm	Việt Nam	m2	0,50
61	Van tay gạt cánh bướm DN50 PN1Mpa; nhiệt độ max 180 độ C, kết nối 2 đầu mặt bích; 4 lỗ bắt bulong inox sus 304 M14x100: 04 bộ/ van	DN50 PN1Mpa; nhiệt độ max 180 độ C, kết nối 2 đầu mặt bích; 4 lỗ bắt bulong inox sus 304 M14x100: 04 bộ/ van	Trung quốc	Cái	4,00
62	Bulông inox sus304 M14x100	inox sus304 M14x100	Việt Nam	Bộ	16,00
63	Van cấp quay đá vôi XG-14, KT miệng đầu vào 300x300mm, kích thước ngoại hình van 775x750x650mm, công suất 1,5kW, Tốc độ quay 30r.p.m (bao gồm động cơ+hộp giảm tốc+van quay và xích lai).	XG-14, KT miệng đầu vào 300x300mm, kích thước ngoại hình van 775x750x650mm, công suất 1,5kW, Tốc độ quay 30r.p.m	Trung quốc	Cụm	1,00
64	Động cơ công suất 1,5KW; 30G-4; I 3,7A; điện áp 380V (Đồng bộ theo động cơ).	công suất 1,5KW; 30G-4; I 3,7A; điện áp 380V	Trung quốc		
65	Hộp giảm tốc công suất 1,5Kw, tốc độ 120 vòng/phút (Đồng bộ theo động cơ).	công suất 1,5Kw, tốc độ 120 vòng/phút	Trung quốc		
66	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 2m (Đồng bộ theo động cơ).	đơn PHC80-1x10FT, loại 2m	Trung quốc		
68	Vòng bi 6308 2Z/C3	6308 2Z/C3	SKF	Vòng	1,00
69	Tết chì lõi thép 14x14	Tết chì lõi thép 14x14	Trung quốc	kg	2,00
70	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 2m (Đồng bộ)	PHC80-1x10FT	SKF	m	2,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
	theo động cơ).				
71	Vòng bi 6205-2RZ	6205-2RZ	SKF	Cái	2,00
72	Phốt 25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
73	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	0,30
74	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	0,30
75	Vòng bi 6208 2Z/C3	6208 2Z/C3	SKF	Cái	2,00
76	Vòng bi 6302 2Z/C3	6302 2Z-C3	SKF	Cái	1,00
77	Phốt 45x62x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	45x62x10	SKF	Cái	1,00
78	Phốt 50x72x12. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	50x72x12	SKF	Cái	2,00
81	Vòng bi NJ 314 EMA	NJ 314 EMA	Việt Nam	Cái	2,00
82	Cụm động cơ+hộp giảm tốc+van quay+xích lai: mã hiệu YHF14L-24-1.1; dạng rotor: đóng 8 lưỡi, khối lượng rotor 14L; tốc độ: 24 vòng/phút; Cấp bảo vệ động cơ IP55; trọng lượng 240kg (bao gồm động cơ+hộp giảm tốc+van quay và xích lai).	mã hiệu YHF14L-24-1.1; dạng rotor: đóng 8 lưỡi, khối lượng rotor 14L; tốc độ: 24 vòng/phút; Cấp bảo vệ động cơ IP55; trọng lượng 240kg, bao gồm các chi tiết sau:	Trung quốc	Cụm	1,00
83	Động cơ công suất 1,1KW; YVF-90S-4; 380V; 2,89A; 50Hz; 1400r/min (Đồng bộ theo van quay)	công suất 1,1KW; YVF-90S-4; 380V; 2,89A; 50Hz; 1400r/min	Trung quốc	Cái	1,00
84	Hộp giảm tốc. Thông số: 1,1kW; R47-WP1,1KW-1/56.89-M1-0 ; 24v/min (Đồng bộ theo van quay)	Thông số: 1,1kW; R47-WP1,1KW-1/56.89-M1-0 ; 24v/min	Trung quốc	Hộp	1,00
85	Van quay mã hiệu XG-5, tốc độ 24 vòng/phút, trọng lượng 155kg (Đồng bộ theo van quay)	mã hiệu XG-5, tốc độ 24 vòng/phút, trọng lượng 155kg	Trung quốc	Cái	1,00
86	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m (Đồng bộ theo van quay)	đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	Trung quốc	M	1,50
87	Tết chì 12x12	12x12	Việt Nam	Kg	2,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
88	Van điện từ khí nén Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Trung quốc	Cái	1,00
89	Công tắc hành trình đóng mở van Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Trung quốc	Cái	2,00
90	Vòng bi 3312A	Vòng bi 3312A	SKF	Cái	1,00
91	Vòng bi 6207 2Z/C3	6207 2Z/C3	SKF	Cụm	2,00
92	Phốt 30x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	30x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
93	Phốt 40x65x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	40x65x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
94	Phốt 35x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	35x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
95	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	Trung quốc	m	1,50
96	Vòng bi 6205-2RZ	6205-2RZ	SKF	Cái	2,00
97	Phốt 25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
99	Sơn phủ màu xanh nước biển	màu xanh nước biển	Việt Nam	kg	0,30
100	Phốt 42x72x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	42x72x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
101	Vòng bi 6301 2Z/C3	6301 2Z/C3	SKF	Cái	2,00
102	Sơn chống rỉ màu ghi ALKYD	màu ghi ALKYD	Việt Nam	Kg	0,30
103	Sơn phủ màu ghi	màu ghi	Việt Nam	kg	0,30
105	Van điện từ khí nén Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Trung quốc	Cái	1,00
105	Công tắc hành trình đóng mở van Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Trung quốc	Cái	2,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
107	Cụm động cơ+hộp giảm tốc+van quay+xích lai: mã hiệu YHF14L-24-1.1; dạng rotor: đóng 8 lưỡi, khối lượng rotor 14L; tốc độ: 24 vòng/phút; Cấp bảo vệ động cơ IP55; trọng lượng 240kg, bao gồm các chi tiết sau:	mã hiệu YHF14L-24-1.1; dạng rotor: đóng 8 lưỡi, khối lượng rotor 14L; tốc độ: 24 vòng/phút; Cấp bảo vệ động cơ IP55; trọng lượng 240kg, bao gồm các chi tiết sau:	Trung quốc	Cụm	1,00
108	Động cơ công suất 1,1KW; YVF-90S-4; 380V; 2,89A; 50Hz; 1400r/min	công suất 1,1KW; YVF-90S-4; 380V; 2,89A; 50Hz; 1400r/min	Trung quốc	Cái	1,00
109	Hộp giảm tốc. Thông số: 1,1kW; R47-WP1,1KW-1/56.89-M1-0 ; 24v/min	Thông số: 1,1kW; R47-WP1,1KW-1/56.89-M1-0 ; 24v/min	Trung quốc	Hộp	1,00
110	Van quay mã hiệu XG-5, tốc độ 24 vòng/phút, trọng lượng 155kg	mã hiệu XG-5, tốc độ 24 vòng/phút, trọng lượng 155kg	Trung quốc	Cái	1,00
111	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	Trung quốc	M	1,50
113	Van điện từ khí nén Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm	Trung quốc	Cái	1,00
114	Công tắc hành trình đóng mở van Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A	Trung quốc	Cái	2,00
115	Vòng bi 6207 2Z/C3	6207 2Z/C3	SKF	Cụm	2,00
116	Phốt 30x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	30x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
117	Phốt 40x65x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	40x65x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
118	Phốt 35x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	35x60x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00
119	Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m (Đồng bộ theo van quay)	đơn PHC80-1x10FT, loại 1,5m	Trung quốc	m	1,50
120	Vòng bi 6205-2RZ	6205-2RZ	SKF	Cái	2,00
121	Phốt 25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	25x40x8. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	1,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
122	Quạt làm mát G90A; 42W; 380V	G90A; 42W; 380V	SKF	Cái	1,00
124	Quạt (RBS105 SP)- Mã hiệu quạt RSB105 SP- Lưu lượng đầu vào 34,4 m3/min - Áp lực đầu ra 64,8 kPa- Kích thước dọc LxWxH (mm): 960x486x529- Kích thước ngang LxWxH (mm): 960x448x545- Chiều cao trục dọc (mm): 265- Chiều cao trục ngang (mm) - dưới cùng: 200- Kích thước kết nối (DN) - Đầu vào: 200- Kích thước kết nối (DN) - họng xả: 200- Loại kết nối: Flange- Trọng lượng (kg): 400- Đường kính trục (mm): 60- Áp suất tối đa (mbarg): >= 1000- Chân không tối đa (mbara): 500- Lưu lượng tối đa m3/h: >= 3618- Tốc độ quay tối đa RPM: >= 3000- Loại Rotor: Tri - Lobe	Quạt (RBS105 SP)- Mã hiệu quạt RSB105 SP- Lưu lượng đầu vào 34,4 m3/min - Áp lực đầu ra 64,8 kPa- Kích thước dọc LxWxH (mm): 960x486x529- Kích thước ngang LxWxH (mm): 960x448x545- Chiều cao trục dọc (mm): 265- Chiều cao trục ngang (mm) - dưới cùng: 200- Kích thước kết nối (DN) - Đầu vào: 200- Kích thước kết nối (DN) - họng xả: 200- Loại kết nối: Flange- Trọng lượng (kg): 400- Đường kính trục (mm): 60- Áp suất tối đa (mbarg): >= 1000- Chân không tối đa (mbara): 500- Lưu lượng tối đa m3/h: >= 3618- Tốc độ quay tối đa RPM: >= 3000- Loại Rotor: Tri - Lobe		Cái	1,00
125	Phốt 42x72x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	42x72x10. Dải nhiệt độ làm việc: -25 °C ÷ +220°C; Vật liệu: VITON FKM	SKF	Cái	2,00
126	Vòng bi 6301 2Z/C3	6301 2Z/C3	SKF	Cái	2,00
127	Cảm biến áp lực và bộ chuyển đổi tín hiệu Rosemount; Cal: 0-100Kpa; supply: 10,5-55VDC; output: 4-20mA; MAX W.P: 30PSI; 3051 GP1A2B21BB4M5	Rosemount; Cal: 0-100Kpa; supply: 10,5-55VDC; output: 4-20mA; MAX W.P: 30PSI; 3051 GP1A2B21BB4M5		Cái	1,00
128	Sơn phủ màu ghi Epoxy	màu ghi Epoxy	Việt Nam	kg	0,30
129	Tết chì 12x12	12x12	Việt Nam	Kg	2,00
130	Van điện từ khí nén Airtac 4V220-08; 0,15-0,8Mpa, 2 đầu cuộn hút đi kèm		Trung quốc	Cái	1,00
131	Công tắc hành trình đóng mở van Tengen YLXK1-111; 380V/0,8A; 220V/0,1A		Trung quốc	Cái	2,00
132	Bulong M14x30(4.8)	M14x30(4.8)	Việt Nam	Bộ	144,00
133	Van điện từ SCG353G043;	SCG353G043; G314DN25;	Trung quốc	Cái	12,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
	G314DN25; áp lực làm việc 0,25-8,5Bar	áp lực làm việc 0,25-8,5Bar			
134	Ống cao su F32mm	F32mm	Việt Nam	m	2,00
135	Quai nhê inox Sus304 F32mm	inox Sus304 F32mm	Việt Nam	Cái	12,00
136	Main điều khiển bộ giữ bụi (SBFEC DMK-3CSA-20; 220VAC; 24VDC)	(SBFEC DMK-3CSA-20; 220VAC; 24VDC)	Trung quốc	Cái	1,00
137	Túi lọc bụi silo (túi lọc polyeste D125x2000)	(túi lọc polyeste D125x2000)	Trung quốc	Cái	84,00
138	Cao su tấm dày 4mm (kích thước 2000x3000mm)	dày 4mm (kích thước 2000x3000mm)	Việt Nam	m2	6,00
139	Thép góc 50x50mm	50x50mm	Việt Nam	m	18,00
140	Thép tấm CT3 dày3mm	CT3 dày3mm	Việt Nam	m2	4,00
141	Vòng bi 63052Z/C3	63052Z/C3	SKF	Vòng	2,00
142	Attomat C20A	C20A	Trung quốc	Cái	1,00
143	Contacto LC1D09	LC1D09	Trung quốc	Cái	1,00
144	Rơ le nhiệt LRD05	LRD05	Trung quốc	Cái	1,00
145	Rơ le bảo vệ chống mất pha RM22TA33	RM22TA33	Trung quốc	Cái	1,00
146	Cáp nguồn: 3x6+1x4mm	3x6+1x4mm	Việt Nam	m	20,00
147	Van tay gạt 3/4inchDN16 kết nối 2 đầu ren trong	3/4inchDN16 kết nối 2 đầu ren trong	Trung quốc	Cái	1,00
149	Van tay (van dao chặn DN100PN10; kết nối mặt bích 2 đầu 8 lỗ bắt bulong M14x60)	(van dao chặn DN100PN10; kết nối mặt bích 2 đầu 8 lỗ bắt bulong M14x60)	Trung quốc	Cái	16,00
150	Bu lông M14x60: số lượng 128 bộ, cấp bền 4.8	M14x60: số lượng 128 bộ, cấp bền 4.8	Việt Nam	Bộ	8,00
151	Khớp giãn nở D90x700mm, vật liệu inox sus304	D90x700mm, vật liệu inox sus304	Trung quốc	Cái	8,00
152	Ống thép chịu mài mòn 16Mn (đường kính trong F69mm, đường kính ngoài F89mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	(đường kính trong F69mm, đường kính ngoài F89mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	m	25,00
153	Ống thép chịu mài mòn 16Mn (đường kính trong F107mm, đường kính ngoài F127mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	(đường kính trong F107mm, đường kính ngoài F127mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	m	25,00

STT	Danh mục vật tư	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
154	Ống thép chịu mài mòn 16Mn (đường kính trong F132mm, đường kính ngoài F152mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	(đường kính trong F132mm, đường kính ngoài F152mm, lớp chịu mài mòn ceramic dày 5mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	m	30,00
155	Cút góc 90° DN80 (ĐK trong phi 60; ĐK ngoài phi 88,9; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 5mm)	DN80 (ĐK trong phi 80; ĐK ngoài phi 88,9; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	Cái	5,00
156	Cút góc 135° DN80 (ĐK trong phi 60; ĐK ngoài phi 88,9; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 5mm)	DN80 (ĐK trong phi 80; ĐK ngoài phi 88,9; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	Cái	4,00
157	Cút góc 135° DN100 (ĐK trong phi 100; ĐK ngoài phi 114; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4,5mm, lớp thép là 5mm)	DN100 (ĐK trong phi 100; ĐK ngoài phi 114; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4,5mm, lớp thép là 5mm)	Trung quốc	Cái	2,00
158	Cút góc 90° DN150 (ĐK trong phi 150; ĐK ngoài phi 168; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 3mm)	DN150 (ĐK trong phi 150; ĐK ngoài phi 168; lớp chịu mài mòn ceramic dày 4mm, lớp thép là 3mm)	Trung quốc	Cái	4,00
159	Bulong ren suốt M14x60 (8.8)	ren suốt M16x70 (8.8)	Việt Nam	Bộ	128,00
160	Van tay (van dao chặn DN80PN10; kết nối mặt bích 2 đầu 8 lỗ bắt bulong M14x60, L=200mm) vật liệu inox sus304	(van dao chặn DN80PN10; kết nối mặt bích 2 đầu 8 lỗ bắt bulong M14x60, L=200mm) vật liệu inox sus304	Trung quốc	Cái	4,00
161	Bulong inox sus 304 M14x60	inox sus 304 M14x60	Việt Nam	Bộ	64,00

II. Một số nội dung liên quan của báo giá:

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2027.